

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 80/2019/HSST
Ngày: 03 - 4 - 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngũ Minh Luận;
2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương:
Ông Lê Ngọc Án, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn Thanh H, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 235 A, phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H (đã chết) và bà Huỳnh Phương D; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 17/3/2007, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 89//2007/HSST.

Ngày 25/4/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 50/2014/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 22/7/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2018 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Bà Đoàn Thị Bích H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty tài chính TNHH MTV N; trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường Đ, phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lô Bằng G, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 199 Đ, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội – là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn L; trụ sở: 124A/3 khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Danh H, sinh năm 1984; trú tại: khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1976. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hồng A, sinh năm 1990. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 13/10/2018, Lê Văn Thanh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius (chưa đăng ký biển số) lưu thông trên đường X1 thuộc khu phố 3, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Khi đi đến đoạn đường trước nhà hàng tiệc cưới Quỳnh Như, H nhìn thấy bà Đoàn Thị Bích H đang đi bộ trên vỉa hè và trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, H điều khiển xe quay lại đối diện với bà H, áp sát và dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền của bà H rồi tăng ga tẩu thoát. Lúc này, bà H truy hô nên quần chúng bắt giữ H cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ gồm 01 sợi dây chuyền vàng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius (không có biển số).

Theo Biên bản định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An xác định 01 sợi dây chuyền bạc mạ vàng trọng lượng 06 chỉ bị cáo chiếm đoạt của bị hại có trị giá 210.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 92/CT-VKS-TA ngày 15/03/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố bị cáo Lê Văn Thanh H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lê Văn Thanh H tù 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị cáo có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV N số tiền 23.591.543 đồng và tiếp tục trả tiền lãi trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 27/7/2018 giữa bị cáo H và Công ty tài chính TNHH MTV N.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ nhà nước đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius (chưa đăng ký biển số) thu giữ trong vụ án.

Bị hại Đoàn Thị Bích H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Công ty tài chính TNHH MTV N yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 23.591.543 đồng và tiếp tục trả tiền lãi trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 27/7/2018 giữa bị cáo H và Công ty tài chính TNHH MTV N. Trường hợp, bị cáo H không có khả năng thanh toán đề nghị được xem xét trao trả xe mô tô Yamaha loại Sirius cho Công ty để thu hồi tài sản cho vay theo hợp đồng tín dụng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn L xác định, ngày 27/7/2017 bị cáo có mua 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius với giá 25.000.000 đồng dưới hình thức trả góp qua Công ty tài chính TNHH TMV N. Bị cáo H đã thanh toán 3.000.000 đồng, còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn L số tiền mua xe và phụ kiện 2.900.000 đồng. Còn đối với số tiền mua xe còn lại, Công ty tài chính TNHH TMV N đã thanh toán cho Công ty. Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn L không yêu cầu bị cáo trả số tiền còn nợ 2.900.000 đồng cho Công ty.

Bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Chiếc xe mô tô Yamaha loại Sirius thu giữ trong vụ án là do bị cáo mua trả góp (chưa được cấp biển số và giấy chứng nhận đăng ký xe) nên thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo và bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo không có ý kiến về việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước đối với chiếc xe trên. Bị cáo đồng ý và tự nguyện thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV N số tiền 23.591.543 đồng và tiếp tục trả tiền lãi trên dư nợ gốc 21.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong

theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 27/7/2018 giữa bị cáo H và Công ty tài chính TNHH MTV N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Thanh H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 13/10/2018, tại đoạn trước nhà hàng tiệc cưới Quỳnh Như thuộc khu phố 3, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Lê Văn Thanh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius phát hiện bà Đoàn Thị Bích H đang đi trên vỉa hè và trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền vàng nên điều khiển xe áp sát và dùng tay trái giật sợi dây chuyền vàng có trị giá 210.000 đồng của bị hại H.

Hành vi bị cáo điều khiển xe mô tô áp sát bị hại để giật tài sản và nhanh chóng tẩu thoát thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Lê Văn Thanh H phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài không phải bằng sức lao động của mình, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về tội Cướp

giật tài sản nhưng bị cáo không chịu cải sửa, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Qua đó cho thấy bị cáo có thái độ xem thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo suy nghĩ lại hành vi phạm tội của mình, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mức hình phạt theo lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Công ty trách nhiệm hữu hạn L không yêu cầu bị cáo trả số tiền mua xe còn nợ 2.900.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Công ty tài chính TNHH MTV N yêu cầu bị cáo thanh toán số tiền còn nợ 23.591.543 đồng và tiếp tục trả tiền lãi trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20180727-0003677 được ký kết ngày 27/7/2018 giữa bị cáo Hiền và Công ty tài chính TNHH MTV N. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý thanh toán số tiền 23.591.543 đồng cho Công ty tài chính TNHH MTV N và tự nguyện tiếp tục trả tiền lãi trên dư nợ gốc 21.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20180727-0003677 được ký kết ngày 27/7/2018 giữa bị cáo H và Công ty tài chính TNHH MTV N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 sợi dây chuyền bạc mạ vàng trọng lượng 06 chỉ bị cáo chiếm đoạt thuộc sở hữu hợp pháp của bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Sirius thu giữ trong vụ án thuộc sở hữu của bị cáo và bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm h, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn Thanh H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Thanh H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn Thanh H có trách nhiệm thanh toán số tiền 23.591.543 đồng cho Công ty tài chính TNHH MTV N và tiếp tục trả tiền lãi trên dư nợ gốc 21.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20180727-0003677 được ký kết ngày 27/7/2018 giữa bị cáo H và Công ty tài chính TNHH MTV N.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô 02 hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại SIRIUS-B6A1, dung tích sy lanh 110,3cm³, mang biển kiểm soát: không, có số khung: RLCUE3210HY103678, số máy: E3X9E-253480. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/02/2019).

4. Về án phí: Bị cáo Lê Văn Thanh H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.179.577 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Huỳnh Ngọc Kiệt**